Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 06.11.2026 11:34:47 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 400/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chế độ nghỉ dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ nghỉ dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu (gọi tắt là sĩ quan Công an nghỉ hưu), gồm: Chế độ nghỉ dưỡng; chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo; chế độ thông tin và chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan Công an nghỉ hưu bao gồm:

a) Sĩ quan có cấp bậc hàm cấp Tướng; sĩ quan nguyên là lãnh đạo cấp Tổng cục trở lên và cán bộ hoạt động cách mạng trước Tháng 8 năm 1945;

b) Sĩ quan nguyên là Cục trưởng và tương đương; nguyên là Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh;

c) Sĩ quan nguyên là Phó Cục trưởng và tương đương; nguyên là Phó Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh;

d) Sĩ quan có cấp bậc hàm Thượng tá, Đại tá; sĩ quan nguyên là lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương;

đ) Sĩ quan có cấp bậc hàm Thiếu tá, Trung tá; sĩ quan nguyên là chỉ huy cấp đội và tương đương; sĩ quan nguyên là chỉ huy Công an xã, phường, thị trấn, đặc khu;

e) Sĩ quan có cấp bậc hàm cấp Úy.

2. Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Sĩ quan Công an nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ cao cấp.

2. Sĩ quan Công an nghỉ hưu đang bị tạm giam; đã và đang chấp hành án phạt tù; bị cách tất cả các chức vụ trong Đảng; khai trừ ra khỏi Đảng; xóa tất cả tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc bị tước danh hiệu Công an nhân dân.

3. Sĩ quan Công an trước khi nghỉ hưu vi phạm kỷ luật, pháp luật dẫn đến bị cách tất cả các chức vụ trong Đảng; khai trừ ra khỏi Đảng; xóa tất cả tư cách chức vụ đã đảm nhiệm; tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc phạt tù.

4. Sĩ quan Công an nghỉ hưu định cư ở nước ngoài (bao gồm cả các trường hợp đang hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này sau đó đi định cư ở nước ngoài).

Chương II
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 4. Chế độ nghỉ dưỡng

1. Tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng

a) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng, mức hưởng như mức tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của sĩ quan giữ chức vụ lãnh đạo cấp cục và tương đương đang công tác;

b) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng, mức hưởng như mức tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc hàm Đại tá, Thượng tá đang công tác;

c) Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng, mức hưởng như mức tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc hàm Trung tá, Thiếu tá đang công tác;

d) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng, mức hưởng như mức tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của sĩ quan có cấp bậc hàm cấp Úy đang công tác;

đ) Tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được chi trả trong quý I hằng năm.

Trường hợp bắt đầu thực hiện chế độ hưu trí (nhận lương hưu hằng tháng) từ tháng 01 hằng năm thì được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng từ năm thực hiện chế độ hưu trí; trường hợp thực hiện chế độ hưu trí từ tháng 02 đến tháng 12 hằng năm thì được hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng từ năm sau liền kề của năm nghỉ hưu; trường hợp trong năm đã được hưởng tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng đối với sĩ quan đang công tác thì khi thực hiện chế độ hưu trí không được hưởng hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của năm đó. Trường hợp đi định cư ở nước ngoài hoặc từ trần thì không được hưởng hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng của năm sau liền kề. Trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý trong quý I hằng năm, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì từ năm vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý trở đi không được hưởng hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng; trường hợp vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý từ quý II hằng năm trở đi thì từ năm sau liền kề không được hưởng hỗ trợ tiền bồi dưỡng nghỉ dưỡng;

e) Hằng năm, Công an xã, phường, đặc khu (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) căn cứ số lượng sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn, rà soát, lập danh sách báo cáo Công an cấp tỉnh để làm cơ sở lập dự toán, bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ quy định tại điểm a, b, c, d khoản này và tổ chức chi trả cho sĩ quan Công an nghỉ hưu; tổng hợp báo cáo danh sách và số tiền chi trả về Công an cấp tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phiếu mời nghỉ dưỡng

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này, hằng năm được cấp phiếu mời gia đình (gồm cá nhân sĩ quan Công an nghỉ hưu và không quá 02 người thân) đi nghỉ tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân;

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này, 03 năm hai lần được cấp phiếu mời gia đình (gồm cá nhân sĩ quan Công an nghỉ hưu và không quá 02 người thân) đi nghỉ tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân;

c) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định này, 02 năm một lần được cấp phiếu mời gia đình (gồm cá nhân sĩ quan Công an nghỉ hưu và 01 người thân) đi nghỉ tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân;

d) Đối tượng quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này, 03 năm một lần được cấp phiếu mời gia đình (gồm cá nhân sĩ quan Công an nghỉ hưu và 01 người thân) đi nghỉ tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân;

đ) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định này, 04 năm một lần được cấp phiếu mời gia đình (gồm cá nhân sĩ quan Công an nghỉ hưu và 01 người thân) đi nghỉ tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này khi đi nghỉ dưỡng tại các nhà nghỉ dưỡng trong Công an nhân dân được đảm bảo phòng nghỉ, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng kết hợp tham quan theo quy định của Bộ Công an; nộp tiền ăn cho nhà nghỉ dưỡng. Trường hợp cá nhân tự túc, bảo đảm phương tiện đi nghỉ dưỡng thì được thanh toán tiền tàu xe theo giá cước ô tô vận tải hành khách công cộng thông thường cho quãng đường thực đi. Trường hợp Công an đơn vị, địa phương tự bảo đảm hoặc thuê phương tiện (ô tô) để đưa, đón sĩ quan Công an nghỉ hưu đi nghỉ dưỡng tập trung tại các nhà nghỉ dưỡng theo từng đợt thì được hỗ trợ kinh phí mua xăng, dầu cho quãng đường thực đi.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể về phiếu mời nghỉ dưỡng.

Điều 5. Chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo

1. Sĩ quan Công an nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được khám giám định bệnh hiểm nghèo, nếu được Hội đồng giám định y khoa cấp có thẩm quyền kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì được hưởng các chế độ, chính sách sau đây:

a) Hằng quý được hỗ trợ bằng 02 lần mức lương cơ sở. Thời điểm tính từ quý được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo;

b) Khi điều trị nội trú ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong và ngoài Công an nhân dân, được đảm bảo tiền ăn bệnh lý chênh lệch so với tiền ăn cơ bản hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ

trong Công an nhân dân. Trường hợp điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Công an nhân dân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chi trả; trường hợp điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài Công an nhân dân do Công an cấp tỉnh nơi sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú thanh toán trực tiếp theo số ngày điều trị thực tế được xác nhận tại giấy ra viện;

c) Trường hợp đang hưởng chế độ, chính sách quy định tại điểm a và b khoản này đi định cư ở nước ngoài hoặc từ trần hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì không được hưởng chính sách quy định tại khoản này từ quý sau liền kề của quý đi định cư ở nước ngoài hoặc từ trần hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật bị xử lý.

2. Trường hợp sĩ quan Công an trước khi nghỉ hưu đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo thì khi thực hiện chế độ hưu trí được hỗ trợ hằng quý và chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm hỗ trợ tính từ quý bắt đầu thực hiện chế độ hưu trí và mức hưởng bằng mức hỗ trợ của cả quý.

3. Trường hợp sĩ quan Công an nghỉ hưu đã được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo mà từ trần thì đại diện thân nhân được hỗ trợ một lần bằng 02 lần mức lương cơ sở.

4. Hồ sơ giải quyết gồm:

a) Đơn đề nghị giám định y khoa để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng;

b) Bản chính (bản giấy) hoặc bản sao điện tử tóm tắt hồ sơ bệnh án điều trị bệnh hiểm nghèo của bệnh viện trong hoặc ngoài Công an nhân dân;

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng.

5. Trình tự giải quyết

a) Sĩ quan Công an nghỉ hưu hoặc thân nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này cho Công an cấp xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được các giấy tờ trong thành phần hồ sơ (trừ đơn đề nghị giám định y khoa) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì sĩ quan Công an nghỉ hưu hoặc thân nhân không phải nộp các giấy tờ nêu trên;

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định, Công an cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Công an cấp tỉnh.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Công an cấp xã chuyển đến, Công an cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với danh mục bệnh hiểm nghèo do cấp có thẩm quyền ban hành; trường hợp đủ điều kiện thì cấp giấy giới thiệu đề nghị Hội đồng giám định y khoa cấp có thẩm quyền kèm theo bản sao hồ sơ để khám giám định; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lời Công an cấp xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản;

c) Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Công an cấp tỉnh chuyển đến, Hội đồng giám định y khoa có trách nhiệm tổ chức khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định; kết luận, gửi biên bản giám định y khoa về Công an cấp tỉnh nơi đề nghị;

d) Căn cứ kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa, nếu kết luận mắc bệnh hiểm nghèo, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản của Hội đồng giám định y khoa, Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (02 bản), trong đó 01 bản gửi đối tượng, 01 bản gửi Công an cấp xã nơi đối tượng thường trú. Trường hợp kết luận không mắc bệnh hiểm nghèo thì trả lời Công an cấp xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Chi phí khám giám định y khoa cho Hội đồng giám định y khoa được bảo đảm từ ngân sách nhà nước do Công an cấp tỉnh thanh toán theo mức phí như mức phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa theo quy định của Bộ Tài chính;

đ) Sau khi có quyết định của Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo, Công an cấp xã tiếp nhận, quản lý và thực hiện hỗ trợ theo quy định. Khi sĩ quan Công an nghỉ hưu đang hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý từ trần, Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo Công an cấp tỉnh để quyết định thôi hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý.

Điều 6. Chế độ thông tin

1. Chế độ báo chí

a) Đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Công an nhân dân, gồm: Báo Công an nhân dân hằng ngày; chuyên đề An ninh thế giới Tháng, Tuần; chuyên đề Văn nghệ Công an.

Sĩ quan nguyên là Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện và tương đương nghỉ hưu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Công an nhân dân hằng ngày;

b) Mức tiền mua các ấn phẩm quy định tại điểm a khoản này được tính theo giá ấn phẩm quy định tại thời điểm quý I hằng năm; tiền mua các ấn phẩm báo chí nêu trên được cấp theo quý. Hằng quý, Công an cấp xã căn cứ số lượng sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn thuộc đối tượng được hưởng chế độ báo chí theo quy định tại điểm a khoản này, lập danh sách báo cáo Công an cấp tỉnh làm cơ sở lập dự toán, bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ báo chí; tổ chức chi trả; tổng hợp, báo cáo danh sách về Công an cấp tỉnh để thanh, quyết toán theo quy định.

Sĩ quan Công an thực hiện chế độ hưu trí hằng tháng thuộc quý nào trong năm thì được thực hiện chế độ báo chí từ quý đó trở đi; trường hợp đang hưởng chế độ báo chí mà đi định cư nước ngoài hoặc từ trần hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật, nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì không được hưởng từ quý sau liền kề của quý đi định cư ở nước ngoài hoặc từ trần hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật.

2. Chế độ gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình

a) Hằng năm, nhân dịp kỷ niệm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam, Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ngày 19 tháng 8 hằng năm) hoặc dịp tết Nguyên đán, việc tổ chức thực hiện gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình (viết gọn là gặp mặt, thông tin tình hình), như sau:

Bộ Công an gặp mặt, thông tin tình hình đối với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gặp mặt, thông tin tình hình đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định và sĩ quan giữ chức vụ Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp huyện và tương đương quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân cấp xã gặp mặt, thông tin tình hình đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn xã mà không thuộc diện Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gặp mặt, thông tin tình hình.

b) Mức quà gặp mặt, thông tin tình hình đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản này do các đơn vị, địa phương quyết định, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của từng đơn vị, địa phương.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần

1. Chế độ hỗ trợ tổ chức lễ tang, xây mộ đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu từ trần thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hỗ trợ kinh phí đối với Công an đơn vị, địa phương chủ trì tổ chức lễ tang hoặc tham gia Ban Tổ chức lễ tang theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu khi từ trần (không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang theo quy định tại khoản 1 Điều này), như sau:

a) Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an cấp tỉnh chủ trì tổ chức lễ tang được hỗ trợ bằng 10 lần mức lương cơ sở; Công an cấp xã hoặc đơn vị cấp Phòng chủ trì tổ chức lễ tang được hỗ trợ bằng 05 lần mức lương cơ sở. Kinh phí này được sử dụng để mua đồ thờ, trang trí khánh tiết, vòng hoa, lễ viếng và chi phục vụ lễ tang;

b) Đối với cơ quan được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được hỗ trợ bằng 01 lần mức lương cơ sở; kinh phí này được sử dụng để mua vòng hoa, lễ viếng và đồ lễ;

c) Hằng năm, cơ quan chủ trì lễ tang hoặc được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được thanh, quyết toán theo thực chi nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Chương III
ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Điều 8. Đăng ký, quản lý sĩ quan Công an nghỉ hưu

1. Đăng ký sĩ quan Công an nghỉ hưu

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này nộp Phiếu đăng ký sĩ quan Công an nghỉ hưu do Công an đơn vị, địa phương quản lý sĩ quan trước khi nghỉ hưu cấp kèm theo bản sao quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng của Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân cho Công an cấp xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử để đăng ký lần đầu;

b) Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Công an cấp xã hoàn thành việc đăng ký và thông báo để sĩ quan Công an nghỉ hưu biết;

c) Đối với trường hợp sĩ quan Công an nghỉ hưu thay đổi nơi thường trú: Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị về việc thay đổi nơi thường trú của đối tượng, Công an cấp xã nơi đối tượng thường trú trước khi thay đổi có trách nhiệm gửi Giấy giới thiệu đến Công an cấp xã nơi thường trú mới của đối tượng qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử để quản lý, thực hiện chế độ.

2. Quản lý sĩ quan Công an nghỉ hưu

a) Công an cấp xã chủ trì phối hợp với Hội Cựu Công an nhân dân cùng cấp tổng hợp, quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn xã để thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; trên cơ sở số lượng, danh sách sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn đang quản lý, định kỳ (hằng quý, hằng năm) hoặc đột xuất, tổng hợp báo cáo danh sách quản lý, theo dõi biến động về Công an cấp tỉnh;

b) Công an cấp tỉnh quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh để đảm bảo kinh phí, chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này; định kỳ (hằng quý, hằng năm) hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo danh sách quản lý, theo dõi biến động về Bộ Công an theo quy định;

c) Bộ Công an quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Công an nghỉ hưu trên địa bàn toàn quốc để theo dõi thực hiện các chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này;

d) Nội dung tổng hợp, báo cáo danh sách quản lý, theo dõi sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu từ cấp xã đến Bộ Công an quy định tại khoản này được thực hiện định kỳ hằng năm và hằng quý.

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5; chế độ báo chí quy định tại khoản 1 Điều 6; chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình quy định tại khoản 2 Điều 6 (đối với đối tượng do Bộ Công an gặp mặt) và chế độ hỗ trợ tang lễ quy định tại Điều 7 Nghị định này do ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí tổ chức gặp mặt, cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với các đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã gặp mặt quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp, nguồn lực ngân sách địa phương và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an có trách nhiệm

a) Quy định về biểu mẫu, hướng dẫn việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này và xây dựng cơ sở dữ liệu về sĩ quan Công an nghỉ hưu để quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đảm bảo thống nhất;

b) Chỉ đạo Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã phối hợp Hội Cựu Công an nhân dân cùng cấp quản lý, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và quản lý sĩ quan Công an nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này;

c) Hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do ngân sách nhà nước đảm bảo được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

d) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm

Hằng năm, căn cứ vào dự toán do Bộ Công an lập, bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Bộ Y tế có trách nhiệm

a) Hướng dẫn việc áp dụng Danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định hiện hành để làm cơ sở thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

4. Hội Cựu Công an nhân dân Việt Nam có trách nhiệm

Chỉ đạo Hội Cựu Công an nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phối hợp với Công an cấp tỉnh, cấp xã quản lý, theo dõi đề xuất thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu quy định tại Nghị định này là hội viên của Hội.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

a) Chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn;

b) Hằng năm, chỉ đạo lập dự toán kinh phí bảo đảm tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp mặt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí;

c) Chỉ đạo Công an cấp tỉnh, hằng năm tham mưu, đề xuất tổ chức việc gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp mặt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí theo quy định;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp mặt của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp thực hiện chế độ, chính sách có liên quan đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Chỉ đạo Công an cấp xã tiếp nhận, đăng ký quản lý sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn; báo cáo theo quy định;

b) Chỉ đạo Công an cấp xã, hằng năm tham mưu, đề xuất tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp mặt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hằng năm lập dự toán ngân sách bảo đảm tổ chức gặp mặt, thông tin tình hình cho sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn theo phạm vi được giao để triển khai thực hiện, báo cáo về Sở Tài chính;

c) Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền thực hiện và phối hợp thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nghỉ hưu thường trú trên địa bàn theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Sĩ quan Công an nghỉ hưu thuộc nhiều đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này thì được hưởng theo mức cao nhất.

3. Hạ sĩ quan Công an, công nhân công an nghỉ hưu được áp dụng thực hiện chế độ, chính sách như đối với sĩ quan cấp Úy nghỉ hưu.

4. Cán bộ Công an chưa được phong cấp bậc hàm, do nghỉ hưu trước thời điểm ban hành Pháp lệnh quy định chế độ cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 16 tháng 7 năm 1962 hoặc Pháp lệnh về lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam ngày 02 tháng 11 năm 1987 thì căn cứ vào chức vụ hoặc tiền lương để thực hiện các chế độ, chính sách như đối với sĩ quan có chức vụ hoặc lương cấp bậc hàm tương ứng theo quy định tại Nghị định này.

5. Mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này khi bị bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà